

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **173/2024/HS-ST**
Ngày: 30-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Xuyên.
2. Bà Dương Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 187/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Đào Tuấn A, sinh năm 1988 tại Thành phố Hải Phòng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã K, huyện K1, Thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: Khu phố M, thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Xuân V và bà Vũ Thị Th; Bị cáo có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1994 và 03 con: lớn nhất sinh năm 2017 và nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Về nhân thân: Tại bản án số 73/2013/HSPT ngày 11-7-2013, Đào Tuấn A bị Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS. Đến ngày 11/7/2018, chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/11/2023 đến ngày 20/11/2023 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

****) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:***

1/ Nguyễn Thanh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Khu phố PL, thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2/ Nguyễn Văn TH, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp Tr, xã PT, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3/ Bùi Thị T1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

4/ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

5/ Dương Thị Kim C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp 1, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

6/ Trần Thị L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp V 2, xã CP, huyện T, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp PM 1, xã PH, huyện N, Đồng Nai.

(Toàn bộ người liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian sinh sống tại huyện N, tỉnh Đồng Nai, Đào Tuấn A tìm hiểu thấy có nhiều người có nhu cầu vay tiền để đầu tư, tiêu dùng nên nảy sinh ý định cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao để thu lợi nhuận nhanh. Tuấn A sử dụng điện thoại số 0329.242.686 để cho mọi người có nhu cầu vay tiền biết và liên lạc. Hình thức cho vay tiền đứng, yêu cầu người vay phải thế chấp giấy căn cước công dân hoặc giấy đăng ký xe mô tô, tính lãi từ 10.000 đến 15.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất từ 109 %/năm đến 912%/năm, thời hạn 5 đến 10 ngày thu lãi một lần. Đến thời hạn trả tiền lãi, Tuấn A đến gặp từng người để thu tiền hoặc yêu cầu người vay chuyển khoản vào số tài khoản MB 320101988 mở tại Ngân hàng Quân đội mang tên Đào Tuấn A. Trong thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 11/2023, Tuấn A cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

1. Anh Nguyễn Thanh T (sinh năm 1996), trú tại khu phố PL, thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai vay của Đào Tuấn A 04 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất từ 365%/năm đến 547%/năm, anh T đã trả tiền lãi 65.575.000 đồng nhưng chưa trả tiền gốc cho Tuấn A, trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là: 3.501.370 đồng, tiền thu lợi bất chính là 62.073.630 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm). cụ thể:

+ Ngày 27/5/2023, anh T vay của Tuấn A số tiền 20.000.000 đồng, anh T đã trả cho Tuấn A tổng số tiền lãi là 33.800.000 đồng với mức lãi suất 365%/năm, trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là: 1.852.055 đồng, tiền thu lợi bất chính là 31.947.945 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

+ Ngày 01/6/2023, anh T vay của Tuấn A số tiền 10.000.000 đồng, anh T đã trả cho Tuấn A tổng số tiền lãi là 16.400.000 đồng với mức lãi suất 365%/năm, trong

đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là: 898.630 đồng, tiền thu lợi bất chính là 15.501.370 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

+ Ngày 04/9/2023, anh T vay của Tuấn A số tiền 15.000.000 đồng, anh T đã trả cho Tuấn A tổng số tiền lãi là 10.350.000 đồng với mức lãi suất 365%/năm, trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là: 567.123 đồng, tiền thu lợi bất chính là 9.782.877 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

+ Ngày 06/9/2023, anh T vay của Tuấn A số tiền 5.000.000 đồng, anh T đã trả cho Tuấn A tổng số tiền lãi là 5.025.000 đồng với mức lãi suất 547%/năm, trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là: 183.562 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.841.438 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

2. Ngày 02/10/2023, anh Nguyễn Văn TH (sinh năm 1978), trú tại ấp Tr, xã PT, huyện N, tỉnh Đồng Nai vay của Đào Tuấn A số tiền 6.000.000 đồng, anh TH đã trả cho Tuấn A tiền lãi là 1.800.000 đồng với mức lãi suất 365%/năm, trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là: 98.630 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.701.370 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm). Anh TH chưa trả tiền gốc cho Tuấn A.

3. Ngày 14/7/2023, bà Bùi Thị T1 (sinh năm 1969), trú tại khu phố M, thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai vay của Đào Tuấn A số tiền 5.000.000 đồng, bà T1 đã trả cho Tuấn A tiền lãi là 6.900.000 đồng với mức lãi suất 559%/năm, trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là: 246.575 đồng, tiền thu lợi bất chính là 6.653.425 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm). Bà T1 chưa trả tiền gốc cho Tuấn A.

4. Khoảng tháng 9/2023, bà Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1958), trú tại khu phố M, thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai vay của Đào Tuấn A số tiền 3.000.000 đồng, bà T2 đã trả cho Tuấn A tiền lãi là 1.400.000 đồng với mức lãi suất 681%/năm, trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là: 41.096 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.358.904 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm). Bà T2 chưa trả tiền gốc cho Tuấn A.

5. Ngày 10/9/2023, bà Dương Thị Kim C (sinh năm 1970), trú tại ấp 1, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai vay của Đào Tuấn A số tiền 5.000.000 đồng, bà C đã trả cho Tuấn A tiền lãi là 900.000 đồng với mức lãi suất 109%/năm, trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là: 172.603 đồng, tiền thu lợi bất chính là 727.397 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm). Bà C chưa trả tiền gốc cho Tuấn A.

6. Khoảng tháng 6/2023, bà Trần Thị L (sinh năm 1970), trú tại ấp V 2, xã CP, huyện T, tỉnh An Giang vay của Đào Tuấn A số tiền 5.000.000 đồng, bà L đã trả cho Tuấn A tiền lãi là 550.000 đồng với mức lãi suất 365%/năm, trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là: 30.137 đồng, tiền thu lợi bất chính là 519.863 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm). Bà L đã trả tiền gốc được 2.200.000 đồng, còn nợ 2.800.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Đào Tuấn A cho Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn TH, Bùi Thị T1, Nguyễn Thị T2, Dương Thị Kim C, Trần Thị L vay là 74.000.000 đồng với lãi suất cao và Tuấn A đã thu số tiền lãi là 77.125.000 đồng, trong đó: Tiền lãi hợp pháp

theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là: 4.090.411 đồng, tiền thu lợi bất chính là 73.034.589 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

Đến 17 giờ 30 phút ngày 11/11/2023, khi Đào Tuấn A đang thu tiền lãi tại khu phố M, thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai thì bị công an huyện N P hiện bắt quả tang.

Về thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

- 01 điện thoại di động hiệu iphone 12 gắn sim 0329.242.686 và số tiền 20.000.000 đồng. (thu giữ của Đào Tuấn A)

- 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn TH; 01 căn cước công dân mang tên Bùi Thị T1; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị T2; 01 căn cước công dân mang tên Dương Thị Kim C; 01 giấy đăng ký xe ô tô biển số 60A-189.71; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 60C1-716.00; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 67H1-449.43. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Quang K; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn TH1; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Đình Đ; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị TH2; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Tấn P; 01 căn cước công dân mang tên Phan Tuấn K1; 01 giấy phép lái xe mang tên Thái Anh H; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 60K4-0397; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 60C2-116.40. Hiện chưa làm việc được với chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 184/CT.VKS-NT ngày 26/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Đào Tuấn A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đào Tuấn A từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Tòa tuyên:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 12 của Đào Tuấn Anh là công cụ sử dụng phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại của Đào Tuấn A là công cụ sử dụng vào việc phạm tội.

- Buộc bị cáo Đào Tuấn A giao nộp số tiền 4.090.411 đồng (tương ứng với lãi suất 20%/năm) do P sinh từ tội phạm để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị can Đào Tuấn A trả lại số tiền thu lợi bất chính cho: anh Nguyễn Thanh T 62.073.630 đồng; anh Nguyễn Văn TH 1.701.370 đồng; bà Bùi Thị T1 6.653.425 đồng; bà Nguyễn Thị T2 1.358.904 đồng; bà Dương Thị Kim C 727.397 đồng; bà Trần Thị L 519.863 đồng.

- Buộc bị cáo Đào Tuấn A giao nộp số tiền 2.200.000 đồng là tiền gốc bà Trần Thị L đã trả cho bị cáo để sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của anh Nguyễn Thanh T 50.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn TH 6.000.000 đồng; bà Bùi Thị T1 5.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T2 3.000.000 đồng; bà Dương Thị Kim C 5.000.000 đồng; bà Trần Thị L 2.800.000 đồng là tiền gốc mà người vay chưa trả cho bị can Đào Tuấn A để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng của bị cáo Đào Tuấn A để đảm bảo thi hành án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đào Tuấn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án.

Bị cáo không có ý kiến gì đối về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, không tranh luận đối với bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy giai đoạn điều tra những người này đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2023 đến tháng 11 năm 2023, trên địa bàn huyện N, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Đào Tuấn A đã cho Nguyễn Thành T; Nguyễn Văn TH; Bùi Thị T1; Nguyễn Thị T2; Dương Thị Kim C; Trần Thị L vay tiền lãi nặng trong giao dịch dân sự, tổng số tiền cho vay là 74.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 109 %/năm đến 912%/năm, thu lợi bất chính tổng số tiền là 73.034.589 đồng, thu lãi theo mức tương ứng 20%/năm là 4.090.411 đồng. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án có tại hồ sơ cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập trong vụ án, lời khai

của bị cáo tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi vay lãi nặng trong giao dịch dân sự mà bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, tuy nhiên tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo bản thân nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi cuộc sống ngoài xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục, răn đe đối với bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo khai bị cáo làm nghề tài xế, thu nhập bình quân mỗi tháng là 7.000.000 đồng. Do đó, áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian bị cáo cải tạo tại địa phương với mức 10% của tổng thu nhập hàng tháng là 7.000.000 đồng = 700.000 đồng để sung quỹ Nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Đã áp dụng khấu trừ thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Đối với số tiền lãi Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn TH, Bùi Thị T1, Nguyễn Thị T2, Dương Thị Kim C, Trần Thị L đã trả cho bị cáo Tuấn A số tiền là 74.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi thu lợi bất chính những người này đã trả cho bị cáo là 73.034.589 đồng và tiền lãi trong quy định của pháp luật là 4.090.411 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật của các khoản vay trên mặc dù đây là tiền lãi mà pháp luật cho phép trong giao dịch dân sự nhưng xuất P từ hành vi phạm tội của bị cáo mà có nên buộc bị cáo Tuấn A phải nộp lại ngân sách nhà nước. Số tiền lãi vượt quá 20% mức lãi suất quy định trong bộ luật dân sự những người liên quan đã trả cho bị cáo Tuấn A, những người liên quan yêu cầu bị cáo trả lại cho họ, đây là số tiền thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo phải trả cho những người liên quan là đúng quy định của pháp luật. Do đó, buộc bị cáo Tuấn A phải trả cho anh Nguyễn Thành T 62.073.630 đồng; anh Nguyễn Văn TH 1.701.370 đồng; bà Bùi Thị T1 6.653.425 đồng; bà Nguyễn Thị T2 1.358.904 đồng; bà Dương Thị Kim C 727.397 đồng; bà Trần Thị L 519.863 đồng.

Số tiền gốc mà những người liên quan chưa trả cho bị cáo Tuấn A gồm anh Nguyễn Thanh T 50.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn TH 6.000.000 đồng; bà Bùi Thị T1 5.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T2 3.000.000 đồng; bà Dương Thị Kim C

5.000.000 đồng; bà Trần Thị L 2.800.000 đồng cần buộc những người này phải nộp ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 12 của Đào Tuấn Anh là công cụ sử dụng phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại của Đào Tuấn A là công cụ sử dụng vào việc phạm tội.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng của bị cáo Đào Tuấn A để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng và tiền hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2024 và Biên lai thu tiền số 0007342 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

- Đối với 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn TH; 01 căn cước công dân mang tên Bùi Thị T1; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị T2; 01 căn cước công dân mang tên Dương Thị Kim C; 01 giấy đăng ký xe ô tô biển số 60A-189.71; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 60C1-716.00; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 67H1-449.43 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định là phù hợp.

- Đối với 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Quang K; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn TH1; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Đình Đ; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị TH2; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Tấn P; 01 căn cước công dân mang tên Phan Tuấn K1; 01 giấy phép lái xe mang tên Thái Anh H; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 60K4-0397; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 60C2-116.40. Hiện chưa làm việc được với chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh, xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 50; Điều 36; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Tuấn A phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt bị cáo Đào Tuấn A 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo bị tạm giữ 09 ngày từ ngày 11/11/2023 đến ngày 20/11/2023 nên trừ cho bị cáo 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự huyện N, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự, áp dụng khấu trừ thu nhập mỗi tháng là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) đối với bị cáo Tuấn A trong thời gian bị cáo cải tạo tại địa phương để nộp Ngân sách nhà nước. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đào Tuấn A cho Ủy ban nhân dân thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp bị cáo áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Buộc bị cáo Đào Tuấn A giao nộp số tiền 4.090.411 đồng (tương ứng với lãi suất 20%/năm) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Đào Tuấn A phải trả cho những người liên quan số tiền cụ thể như sau: anh Nguyễn Thanh T 62.073.630 đồng; anh Nguyễn Văn TH 1.701.370 đồng; bà Bùi Thị T1 6.653.425 đồng; bà Nguyễn Thị T2 1.358.904 đồng; bà Dương Thị Kim C 727.397 đồng; bà Trần Thị L 519.863 đồng.

- Buộc bị cáo Đào Tuấn A giao nộp số tiền 2.200.000 đồng là tiền gốc bà Trần Thị L đã trả cho bị cáo để sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp Ngân sách Nhà nước, số tiền cụ thể như sau: anh Nguyễn Thanh T 50.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn TH 6.000.000 đồng; bà Bùi Thị T1 5.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T2 3.000.000 đồng; bà Dương Thị Kim C 5.000.000 đồng; bà Trần Thị L 2.800.000 đồng.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ nếu bị cáo không thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 12 của Đào Tuấn A là công cụ sử dụng phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại của Đào Tuấn Anh là công cụ sử dụng vào việc phạm tội.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng của bị cáo Đào Tuấn A để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng và tiền hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2024 và Biên lai thu tiền số 0007342 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Đào Tuấn A phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang